

Bản án số: 01/2024/LĐ-ST
Ngày 08 tháng 3 năm 2024
“V/v Tranh chấp hợp đồng lao
động, Bảo hiểm xã hội”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Phạm.

Bà Bùi Thị Hào

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Phú Thọ

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà
Đặng Nguyễn Hải Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét
xử công khai vụ án lao động thụ lý số 01/2023/TLST - LĐ ngày 01 tháng 11
năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng lao động, bảo hiểm xã hội”. Theo
quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-LĐ ngày 22 tháng 02 năm
2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1989 (Có đơn đề nghị xét xử
vắng mặt).

Địa chỉ: Khu T T, xã P N, huyện L T, tỉnh Phú Thọ.

- *Bị đơn;* Công ty TNHH Y.

Địa chỉ: Lô B6 khu công nghiệp T V, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông PARK HYUNG C - Chức vụ: Tổng
giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1974 -
Chức vụ: Trưởng phòng nhân sự (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1990 (Đề nghị xét xử vắng mặt);

Nơi ĐKKTT: Khu X, xã C X, huyện L T, tỉnh Phú Thọ.

Hiện đang sinh sống và làm việc tại: Số X, tầng Y, đường T C, thôn H T,
xã T H, huyện V L, Đài Loan;

Người đại diện theo ủy quyền nhận các văn bản tố tụng: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1989 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

2. Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Thọ.

Địa chỉ: Đường Nguyễn Tất Thành, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lưu Quốc T - Trưởng phòng Quản lý thu, số thẻ và ông Trần Anh T - Chuyên viên phòng Quản lý thu, số thẻ (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại Tòa án nhân dân (TAND) tỉnh Phú Thọ nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:*

Khoảng tháng 3 năm 2008 em gái tôi là chị Nguyễn Thị Bích T đã mượn chứng minh nhân dân và làm hồ sơ xin việc đứng tên tôi để xin vào làm việc tại Công ty TNHH Y. Chị T ký hợp đồng lao động với Công ty nhưng hợp đồng lao động lại mang tên Nguyễn Thị L. Chị T được làm việc tại Công ty Y từ tháng 3 năm 2008 và được đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật đến tháng 6 năm 2008 thì chị T nghỉ việc tại Công ty TNHH Y.

Cũng từ tháng 3 năm 2008 tôi đang làm việc và đóng bảo hiểm tại Công ty O; địa chỉ: Phường G C, thành phố V T. Sau khi tôi chuyển việc tại Công ty mới có thủ tục làm việc liên quan đến bảo hiểm xã hội thì được thông báo đã bị đóng trùng bảo hiểm xã hội từ tháng tháng 3 đến tháng 6 năm 2008, việc đóng trùng phát sinh từ hợp đồng lao động đã ký với Công ty TNHH Y.

Nay tôi đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH Y với chị Nguyễn Thị Bích T ký dưới danh nghĩa tên tôi Nguyễn Thị L là vô hiệu, đề nghị thoái thu bảo hiểm thời gian đóng trùng mã số 2509001604 thời gian từ tháng 3 đến tháng 6 năm 2008 và giải quyết các vấn đề về đóng bảo hiểm xã hội của mã số 2509001604 theo quy định của pháp luật.

** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Thanh Đ trình bày quan điểm:*

Tháng 12/2007 Công ty TNHH Y (Sau đây gọi tắt là: Công ty Y) có ký hợp đồng lao động với chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1984 theo đúng quy định pháp luật.

Sau khi ký hợp đồng, Công ty đã tiến hành đóng bảo hiểm xã hội cho chị L theo quy định của pháp luật theo số sổ bảo hiểm số 2509001604. Đến tháng 6/2008 chị L thôi việc.

Sau khi chị Nguyễn Thị L khởi kiện và được Tòa án nhân dân tỉnh Phú

Thọ thông báo đến làm việc, Công ty Y mới được biết: Hợp đồng lao động tháng 12/2007 được ký kết giữa Công ty Y và chị Nguyễn Thị L, tại thời điểm ký hợp đồng lao động công ty không phát hiện được người có tên trên hồ sơ là Nguyễn Thị L với người trực tiếp ký hợp đồng và tham gia lao động tại công ty lại là chị Nguyễn Thị Bích T. Công ty đã thực hiện đóng bảo hiểm cho chị Nguyễn Thị Bích T nhưng hồ sơ là Nguyễn Thị L (Số bảo hiểm số: 2509001604) theo quy định. Quan điểm của công ty nhất trí đề nghị Tòa án tuyên Hợp đồng lao động ký giữa Công ty với chị Nguyễn Thị L vô hiệu. Công ty tự nguyện không yêu cầu thoái thu khoản tiền bảo hiểm xã hội mà công ty đã nộp cho chị T dưới tên chị L.

Về hồ sơ lao động mang tên Nguyễn Thị L, do thời gian đã quá lâu nên không còn lưu trữ tại Công ty, không có cung cấp cho Tòa án. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, vì lý do công việc nên Công ty Y đề nghị được vắng mặt trong tất các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên xét xử của Tòa án tại Tòa án các cấp.

** Tại bản tự khai ngày 14/11/2023 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Bích T trình bày:*

Tháng 3 năm 2008 tôi có mượn chứng minh nhân dân của chị gái là chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1989 để làm hồ sơ xin việc vào Công ty TNHH Y sau đó tôi được nhận vào Công ty làm việc và Công ty có đóng bảo hiểm xã hội cho tôi theo số 2509001604 nhưng thực chất là đứng tên danh nghĩa của chị L. Đến tháng 6 năm 2008 thì tôi xin nghỉ tại Công ty TNHH Y nhưng chị L đã bị trùng quá trình đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 3 năm 2008 đến tháng 6 năm 2008.

Lý do tôi mượn giấy tờ của chị L để làm hồ sơ xin việc là do tôi chưa đủ tuổi lao động còn việc tôi có ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH Y là có thật.

Nay chị L khởi kiện Công ty TNHH Y về việc hủy hợp đồng lao động giữa Công ty và tôi nhưng đứng tên trên hợp đồng lao động là chị L, tôi có quan điểm nhất trí với yêu cầu khởi kiện của chị L vì khi tôi ký hợp đồng lao động là mang thông tin cá nhân của chị L nên ảnh hưởng đến việc đóng bảo hiểm xã hội của chị L.

Hiện tôi đang lao động ở Đài Loan không thể về nước làm việc được nên tôi đề nghị vắng mặt tại phiên họp, phiên hòa giải và đề nghị xét xử vắng mặt tại Tòa án các cấp.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Thọ do ông Trần Anh T trình bày:*

Qua kiểm tra, rà soát bảo hiểm xã hội (BHXH) trên hệ thống, chúng tôi phát hiện trường hợp bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1989 ở Khu T T, xã P N, huyện L T, tỉnh Phú Thọ có mã số BHXH 2509001604 bị trùng thời gian đóng bảo hiểm từ tháng 03/2008 đến tháng 06/2008, cụ thể:

Sau khi kiểm tra hồ sơ tại kho lưu trữ của BHXH tỉnh Phú Thọ thì bà Nguyễn Thị Bích T (người mượn hồ sơ) đi làm tại Công ty TNHH Y, Khu công nghiệp T V, xã T V, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ và tham gia BHXH theo số sổ T132022174 từ tháng 12/2007 đến tháng 07/2008 thì nghỉ việc. Cùng thời điểm tháng 04/2008 bà Nguyễn Thị L đang làm việc và có tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty O, Phường G C, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ theo số sổ T132022174, tháng 11/2008 bà Nguyễn Thị L được cấp mã số BHXH 2509001604 tại Công ty O, đến tháng 04/2010 thì nghỉ việc.

Từ tháng 11/2011 đến tháng 06/2022, bà Nguyễn Thị L đi làm tại Công ty TNHH Y, Khu công nghiệp T V, xã T V, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ và tham gia BHXH theo mã số 2513002683.

Nay bà Nguyễn Thị L trình bày là do thiếu hiểu biết nên đã cho bà Nguyễn Thị Bích T mượn hồ sơ để đi làm, cụ thể: Bà Nguyễn Thị Bích T đã lấy 01 bộ hồ sơ, sơ yếu lý lịch mang tên bà Nguyễn Thị L để xin việc tại Công ty TNHH Y. Trong thời gian bà Nguyễn Thị Bích T làm việc dưới tên bà Nguyễn Thị L tại Công ty TNHH Y thì bà Nguyễn Thị L đang làm việc tại Công ty O, do vậy đóng trùng thời gian tham gia BHXH.

Đối với việc đóng BHXH: Sau khi công ty và người lao động ký hợp đồng lao động, công ty sẽ gửi hồ sơ, danh sách người lao động đến cơ quan BHXH để làm thủ tục đóng BHXH theo quy định pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho người lao động. Do sử dụng cùng một số CMND 132022174 mang tên Nguyễn Thị L để làm hồ sơ lao động, điều này đã dẫn đến việc bà Nguyễn Thị L có 01 mã số BHXH 2509001604 trùng thời gian đóng BHXH tại 02 công ty khác nhau.

Quan điểm của chúng tôi về yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L như sau:

Để đảm bảo quyền lợi cho bà Nguyễn Thị L đề nghị Toà án tuyên quyền lợi và nghĩa vụ của các bên như sau:

- 1- Đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

2- Đề nghị và yêu cầu cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Thọ: Thoái thu thời gian tham gia BHXH, BHTN của mã số BHXH 2509001604, mang tên Nguyễn Thị L từ tháng 12/2007 đến tháng 06/2008 tại Công ty TNHH Y, với tổng số tiền thoái thu là: 992.992 đồng (*Bằng chữ: Chín trăm chín mươi hai nghìn chín trăm chín mươi hai đồng*).

3 - Sau khi BHXH tỉnh Phú Thọ thực hiện thoái thu quá trình đóng trùng của mã số 2509001604, đề nghị bà Nguyễn Thị L đến cơ quan BHXH nơi gần nhất thực hiện gộp quá trình từ mã số 2509001604 vào mã số 2513002683.

Ngoài ra do công việc bận nên Bảo hiểm xã hội đề nghị được vắng mặt trong tất cả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên xét xử, phiên họp giải quyết vụ việc dân sự của Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án, theo đơn đề nghị của chị L, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã trưng cầu giám định đối với chữ ký và chữ viết của chị Nguyễn Thị Bích T trong Bản tự khai của đương sự ngày 14/11/2023 so với mẫu so sánh tại mục “Người đề nghị” tại “Tờ khai đề nghị cấp, sửa đổi hộ chiếu ngày 28/11/2018”; mục “Người nộp hồ sơ” tại “Giấy biên nhận PT7181128002 ngày 28/11/2018”; mục “Vợ” tại “Giấy chứng nhận kết hôn số 55 cấp ngày 28/5/2013” có phải do cùng một người ký hay hay không? Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Phú Thọ đã ra kết luận giám định số 50/KL-KTHS ngày 08/01/2024 đối với đối tượng giám định nêu trên.

Chị L nộp tạm ứng chi phí giám định số tiền là 3.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ Điều 30 BLLĐ năm 1994, Điều 15, Điều 50, Điều 51 BLLĐ 2019 Điều 2 Luật BHXH năm 2006, Điều 122, 132, 137, 389 BLDS 2005, khoản 3 Điều 43 Quyết định 595/QĐ – BHXH ngày 01/7/2017 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Nghị quyết 326/UBTVQH14.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc BHXH tỉnh Phú Thọ thoái thu thời gian đóng bảo hiểm xã hội mang tên Nguyễn Thị L tại

Công ty TNHH Y từ tháng 12/2007 đến tháng 6/2008 với số tiền là 992.992 đồng trả cho chị Nguyễn Thị Bích T.

Về án phí và chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện chịu án phí và chi phí tố tụng nên cần được chấp nhận. (Chi tiết bài phát biểu của Viện kiểm sát lưu trong hồ sơ vụ án).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH Y với chị Nguyễn Thị L (do chị Nguyễn Thị Bích T mượn hồ sơ để ký) là vô hiệu, thoái thu bảo hiểm xã hội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Bích T có hộ khẩu thường trú tại Khu X, xã C X, huyện L T, tỉnh Phú Thọ. Theo công văn số: 27760/QLXNC-P3 ngày 23/10/2023 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an xác định chị Nguyễn Thị Bích T đã xuất cảnh gần nhất ngày 25/7/2023, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước.

Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng lao động, bảo hiểm xã hội, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Bích T hiện đang ở nước ngoài, do vậy căn cứ vào khoản 3 điều 35, điểm a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự là phù hợp.

Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Do vậy Tòa án căn cứ khoản 4 Điều 207, đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét lời trình bày của chị Nguyễn Thị Bích T: Tại kết luận giám định số: 50/KL-KTHS ngày 08/01/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Phú Thọ kết luận: Chữ ký dạng chữ viết “T” và các chữ “Nguyễn Thị Bích T” dưới

mục “Người làm đơn” trên mẫu cần giám định “Bản tự khai của đương sự ngày 14/11/2023” so với chữ ký dạng chữ viết “T” và các chữ “Nguyễn Thị Bích T” dưới các mục “Người đề nghị”, “Người nộp hồ sơ”, “Vợ” trên các mẫu so sánh (M1, M2, M3) là do cùng một người ký và viết ra. Như vậy, Bản tự khai của đương sự ngày 14/11/2023 của chị T thể hiện đúng ý chí của chị T nên có căn cứ để giải quyết vụ án.

[2.2] Về tài liệu chứng cứ là hợp đồng lao động ngày 07/12/2007 ký giữa chị Nguyễn Thị Bích T và Công ty TNHH Y không có trong hồ sơ, các đương sự không cung cấp được cho Tòa án nhưng chị T và Công ty đều thừa nhận việc ký hợp đồng giữa chị Nguyễn Thị L (nhưng do chị Nguyễn Thị Bích T mượn hồ sơ để ký) với Công ty TNHH Y tháng 12 năm 2007 là có thật. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[2.3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L:

Ngày 07/12/2007, chị Nguyễn Thị Bích T sử dụng thông tin nhân thân mang tên chị gái là Nguyễn Thị L để ký kết hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH Y, đến hết tháng 6/2008 thì chị T chấm dứt hợp đồng lao động. Quá trình làm việc tại đây chị T được tham gia bảo hiểm xã hội mang tên Nguyễn Thị L.

Cùng trong khoảng thời gian từ tháng 03/2008 đến tháng 06/2008 chị Nguyễn Thị L cũng giao kết hợp đồng lao động, làm việc tại công ty O Việt Nam và cũng được tham gia bảo hiểm xã hội. Tháng 11/2008, Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Thọ cấp sổ bảo hiểm mã số 250900164 tại công ty O cho chị Nguyễn Thị L.

Căn cứ vào lời trình bày của chị L, chị T, các tài liệu do đương sự cung cấp có thể khẳng định việc chị T sử dụng thông tin nhân thân mang tên chị L để ký kết hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH Y là có thật, hành vi của chị T là giả mạo, lừa dối khi giao kết hợp đồng nên chị L khởi kiện đề nghị tuyên hợp đồng lao động giữa chị T ký kết (mang tên chị L) với Công ty TNHH Y vô hiệu là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Do hợp đồng lao động ngày 07/12/2007 giữa Công ty TNHH Y và chị Nguyễn Thị L (Do chị T mượn hồ sơ để ký tên) là vô hiệu nên việc đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động Nguyễn Thị L từ tháng 12 năm 2007 đến tháng 6 năm 2008 tại Công ty TNHH Y là không đúng theo quy định pháp luật. Cụ thể theo tính toán của Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Thọ thời gian tham gia BHXH, BHTN của mã số BHXH 2509001604, mang tên Nguyễn Thị L từ tháng

12/2007 đến tháng 06/2008 tại Công ty TNHH Y, với tổng số tiền thoái thu là: 992.992 đồng. Vì vậy cần phải thoái thu số tiền đóng trùng bảo hiểm xã hội tại sổ BHXH 2509001604 số tiền là 992.992 đồng, trả lại cho người lao động thực tế là chị Nguyễn Thị Bích T.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, xác định hiện nay chị Nguyễn Thị L có hai sổ bảo hiểm mã số 2509001604 và mã số 2513002683; Xét thấy theo quy định Khoản 4, Điều 46 Quyết định 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam quy định: “*Một người có từ 2 sổ BHXH trở lên ghi thời gian đóng BHXH không trùng nhau thì cơ quan BHXH thu hồi tất cả các sổ BHXH, hoàn chỉnh lại cơ sở dữ liệu, in thời gian đóng, hưởng BHXH, BHTN của các sổ BHXH vào sổ mới*”, theo quy định trên thì hiện nay một người tham gia bảo hiểm không được phép có nhiều sổ bảo hiểm. Trường hợp người lao động có 02 sổ BHXH thì cần đề nghị cơ quan BHXH làm thủ tục gộp sổ. Người đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Thọ cũng có quan điểm: “Sau khi BHXH tỉnh Phú Thọ thực hiện thoái thu quá trình đóng trùng của mã số 2509001604, đề nghị bà Nguyễn Thị L đến cơ quan BHXH nơi gần nhất thực hiện gộp quá trình từ mã số 2509001604 vào mã số 2513002683”. Quan điểm như vậy là phù hợp với tình hình thực tế, đúng quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng: Chi phí giám định là 3.000.000 đồng, chị L đã nộp số tiền này và xin tự chịu toàn bộ không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí lao động sơ thẩm: Chị L tự nguyện chịu toàn bộ số tiền 300.000đ tiền án phí lao động sơ thẩm.

[6] Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án. Xét thấy, đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 điều 35, điểm a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 1, Điều 147; khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273; khoản 1, 2 điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, 132, 137 Bộ luật dân sự 2005; Điều 6, Điều 30 Bộ Luật lao động năm 1994; Điều 50 Bộ luật lao động năm 2012; Điều 15, Điều 50, Điều 51 Bộ Luật lao động năm 2019; Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L.

[1] Tuyên bố hợp đồng lao động ký ngày 07/12/2007 giữa người sử dụng lao động là Công ty TNHH Y với người lao động chị Nguyễn Thị L (do chị Nguyễn Thị Bích T mượn hồ sơ để ký) là vô hiệu toàn bộ.

[2] Hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ: Thoái thu thời gian đóng trùng bảo hiểm xã hội từ tháng 12/2007 đến tháng 6/2008 của sổ bảo hiểm xã hội số 2509001604, cấp tại Công ty TNHH Y. Số tiền thoái thu căn cứ theo sự tính toán Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Thọ là 992.992 đồng (*Bằng chữ: Chín trăm chín mươi hai nghìn chín trăm chín mươi hai đồng*) trả lại cho chị Nguyễn Thị Bích T.

[3] Bà Nguyễn Thị L có quyền đến cơ quan BHXH nơi gần nhất thực hiện gộp quá trình từ mã số 2509001604 vào mã số 2513002683.

[4] Về chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị L tự nguyện chịu 3.000.000đ (Ba triệu đồng) chi phí giám định. Xác nhận chị L đã nộp đủ số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

[5] Về án phí lao động sơ thẩm: Chị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí lao động sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa số: 0000034 ngày 30/10/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

[6] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH Y, Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Thọ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Thời hạn kháng cáo của chị Nguyễn Thị Bích T là 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Tiến Dũng